TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 10 - 2023
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Ngân**

2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Ưng** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2023, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 09 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HN ngày 18 tháng 09 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Tố Q, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Đinh Tâm S, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 106/107 đường H, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Hà Thị Tố Q trình bày:*** Chị Q và anh Đinh Tâm S do tự nguyện tìm hiểu rồi tổ chức lễ cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 14/05/2021. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại 106/107 đường Nguyễn Thái Học, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến đầu ngày 01 tháng 07 năm 2022 chị Q về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do tính tình hai bên không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm hay cải vã, anh S còn đánh chị Q và hâm doạ chém chị Q nhiều lần, ngoài ra anh S còn ghen tuông vô cớ, kinh tế gia đình khó khăn từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải nhau mặc dù vợ chồng cố gắng khắc phục nhưng không thành. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị Q và anh S không thể tiếp tục nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Hà Thị Tố Q xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Đinh Hà V, sinh ngày 12/09/2021 hiện nay đang sống cùng chị Q. Chị Q yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Tố Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hoà giải cũng như tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Tố Q xác định không còn tình cảm yêu thương với anh Đinh Tâm S nữa và yêu cầu được ly hôn với anh S; Về con chung: Chị Hà Thị Tố Q yêu cầu được nuôi người con tên Đinh Hà Vy, sinh ngày 12/09/2021. Chị Q không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Chị Q xác định không có. Riêng yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị Q xin thay đổi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này chị Q có yêu cầu tôi sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đinh Tâm S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hà Thị Tố Q khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Đinh Tâm S và anh S là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đinh Tâm S không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Q tại Tòa án. Tuy nhiên, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh S cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Q yêu cầu xét xử vắng mặt bị

đơn anh S theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh S.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Tố Q và anh Đinh Tâm S được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Uỷ ban nhân dân phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 14/05/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị Q và anh S không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẻ, chị Q xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Do tính tình hai bên không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm hay cải vã, anh S còn đánh tôi nhiều lần, ngoài ra anh S còn ghen tuông vô cớ, kinh tế gia đình khó khăn từ đó dẫn đến vợ chồng cử cải nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2022 đến nay. Trong khoảng thời gian chị Q, anh S sống ly thân nhưng anh, chị vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương S "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh S không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị Q cũng như chứng cứ do chị Q cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong khoản thời gian giải quyết tại Tòa án anh S không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, từ đó cho thấy anh S không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữ anh S và chị Q. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh S là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh S.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Q xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Đinh Hà V, sinh ngày 12/09/2021. Chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung. Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh S cũng không có ý kiến phản đối gì về việc chị Q yêu cầu nuôi con chung, để không làm ảnh hưởng đến việc thay đổi môi trường sinh hoạt và phát triển về mọi mặt của cháu V do đó Hội đồng xét xử xét thấy, giao người con chung tên V cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Q không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Tố Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh S không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh S có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị Tố Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Tố Q được ly hôn với anh Đinh Tâm S.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Tố Q tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Đinh Hà V, sinh ngày 12/09/2021. Chị Q không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đinh Tâm S có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Tố Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Tố Q phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* chị Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005073 ngày 09/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/10/2023), anh S vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân S thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh